

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KONTUM
TỈNH KONTUM**

Bản án số: 39/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 26/9/2022

Về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM, TỈNH KON TUM.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Duy Cảnh và ông A Ừm

- Thư ký phiên tòa: Ông A Dáo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 159/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2022, về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị Thùy D, sinh năm 1989. Địa chỉ: Hẻm 02/14 Ngô Q, thành phố Kon T, tỉnh Kon T.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Xuân V, sinh năm 1983. Địa chỉ: Số 138 Ka Pa Kơ L, thành phố Kon T, tỉnh Kon T. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 23/3/2022 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Hoàng Thị Thùy Dg trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Xuân V tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 07/3/2017 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đăk H, huyện Đăk H, tỉnh Kon T. Sau khi kết hôn vợ chồng chuyển về thành phố Kon T thuê nhà trọ. Thời gian đầu sống hạnh phúc, nhưng từ sau khi chị sinh con không đi làm được, anh Việt công việc không ổn định nên kinh tế gia đình gặp rất nhiều khó khăn (chi phí sinh hoạt, tiền thuê nhà,...). Anh V không có trách nhiệm với gia đình, không tu chí làm ăn, thường xuyên uống rượu, một mình chị vừa đi làm, vừa chăm sóc con nhỏ từ

năm 2017 đến nay. Do đó mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm phai nhạt dần. Năm 2019 anh V bị tai nạn giao thông, gia đình đưa anh V về chữa trị tại Quy Nh, chị phải nuôi con nhỏ, không có tiền nhiều để lo cho anh Việt. Sau khi xuất viện, anh V về lại Kon T nhưng không sống cùng vợ con mà thuê nhà tại số 138 Ka Pa Kơ L, thành phố Kon T, tỉnh Kon T để sinh sống và làm việc từ đó đến nay. Chị cũng xác định không còn tình cảm, không muốn đoàn tụ với anh V nên cả hai tự lo cuộc sống, không ai quan tâm đến nhau từ năm 2020 đến nay. Để ổn định cuộc sống chị khởi kiện ly hôn, anh V có biết và có đến Tòa án làm việc được một lần, sau đó không đến Tòa án nữa. Nay chị thực sự không còn tình cảm với anh V, nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V.

Về con chung: Có 01 con tên Trần Hoàng Bảo Nh, sinh ngày 29/7/2017. Khi ly hôn chị có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu anh Trần Xuân V cấp dưỡng nuôi con.

Về Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Xuân V có đến Tòa án làm việc vào ngày 25/5/2022, anh V có trình bày đề Tòa án ghi vào biên bản hòa giải nhưng anh V không ký tên vào bất cứ văn bản nào. Nội dung anh V trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân:

Chị và anh V tự nguyện yêu thương nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 07/3/2017 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đăk H, huyện Đăk H, tỉnh Kon T. Sau khi kết hôn vợ chồng thuê nhà trọ ở và làm việc tại thành phố Kon Tum. Thời gian đầu sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2019 anh bị tai nạn phải nằm viện dài ngày tại Quy Nh, chị D không quan tâm, không chăm sóc anh. Sau khi ra viện, sức khỏe anh còn yếu chưa làm được việc nặng. Năm 2020 anh về lại Kon Tum và thuê nhà tại số 138 Ka Pa Kơ L, thành phố Kon T, tỉnh Kon T để sinh sống và làm việc từ đó đến nay. Anh có thăm con, nhưng anh và chị D thì mạnh ai nấy sống, không quan tâm nhau nữa. Nay chị D khởi kiện ly hôn anh không đồng ý.

Về con chung: Có 01 con tên Trần Hoàng Bảo Nh, sinh ngày 29/7/2017 đúng như chị D trình bày. Anh không đồng ý ly hôn nên anh không đề cập.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh V không đồng ý ly hôn nên không đề cập.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon T, tỉnh Kon T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:**

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng

khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Hoàng Thị Thùy D được ly hôn anh Trần Xuân V

+ Giao con chung Trần Hoàng Bảo Nh, sinh ngày 29/7/2017 cho chị Hoàng Thị Thùy D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị D không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập.

+ Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Hoàng Thị Thùy D và anh Trần Xuân V sinh sống tại thành phố Kon T từ năm 2017 đến nay, hiện tại bị đơn anh Trần Xuân V đang trú tại số nhà 138 Ka Pa Kơ L, thành phố Kon T, tỉnh Kon T nên nguyên đơn khởi kiện vụ án về việc “*Ly hôn và tranh chấp nuôi con*” tại Tòa án nhân dân thành phố Kon T, tỉnh Kon T là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Quá trình giải quyết vụ án anh V có đến Tòa án làm việc một lần, những lần làm việc tiếp theo và tại phiên tòa anh V vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Thùy D và anh Trần Xuân V tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 07/3/2017 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đăk H, huyện Đăk H, tỉnh Kon T. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị Dương và anh Việt là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời khai của chị Hoàng Thị Thùy D thì nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do “*anh V không có trách nhiệm với gia đình, không tu chí làm ăn, thường xuyên uống rượu, một mình chị vừa đi làm, vừa chăm sóc con nhỏ từ năm 2017 đến nay*” Tại văn bản ngày 25/5/2022, bị đơn anh Trần Xuân V khai rằng: *Năm 2019 anh bị tai nạn phải nằm viện dài ngày tại Quy Nhơn, chị D không quan tâm, không chăm sóc anh*”.

Nguyên đơn chị Hoàng Thị Thùy D không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh anh Trần Xuân V thường xuyên uống rượu. Tuy nhiên, xét về mặt tình cảm của chị D và anh Việt thấy rằng: Từ năm 2020 đến nay, chị D và anh V không ở cùng nhau, chị D thuê nhà tại 02/14 Ngõ Q, thành phố Kon T; anh V thuê nhà tại số 138 Ka Pa Kơ L, thành phố Kon T để sinh sống, mỗi người một nơi,

không ai quan tâm đến nhau. Từ tháng 3/2022 đến nay, chị D khởi kiện ly hôn nhưng anh chị cũng không gặp nhau trao đổi hoặc có thiện chí đoàn tụ mà vẫn mạnh ai nấy sống. Tại phiên tòa chị D khẳng định không còn tình cảm với anh V, kiên quyết yêu cầu được ly hôn với anh V. Đối với bị đơn anh Trần Xuân V biết rõ Tòa án đang thụ lý giải quyết vụ án ly hôn giữa anh và chị D, nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh V chỉ đến Tòa án làm việc một lần vào ngày 25/5/2022, sau đó thì anh không đến nữa và cũng không gửi bất cứ ý kiến bằng văn bản nào đến Tòa án. Điều này thể hiện rõ anh V không có thiện chí đoàn tụ với chị D.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị D và anh V đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn” của chị Hoàng Thị Thùy D, xử cho chị D được ly hôn với anh Trần Xuân V.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Trần Hoàng Bảo Nh, sinh ngày 29/7/2017. Anh chị ly hôn, chị Hoàng Thị Thùy D có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy: Cháu Trần Hoàng Bảo Nh sinh sống cùng mẹ từ năm 2017 đến nay, cháu đã đi học mẫu giáo ổn định, chị D có sức khỏe, có việc làm và có thu nhập, đủ khả năng nuôi con. Căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu về nuôi con của chị Hoàng Thị Thùy D, giao con Trần Hoàng Bảo Nh cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Thời gian nuôi con kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi con đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận đơn khởi kiện đề ngày 23/3/2022, về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con” của chị Hoàng Thị Thùy D.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Thùy D được ly hôn anh Trần Xuân V.

2. Về con chung: Giao con Trần Hoàng Bảo Nh, sinh ngày sinh ngày 29/7/2017 cho chị Hoàng Thị Thùy D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Thời gian nuôi con kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, anh Trần Xuân V không trực tiếp nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ Điều 144; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Hoàng Thị Thùy D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị D đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0000594 ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Kon T, tỉnh Kon T.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú./.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh KonTum;
- VKSND TP KonTum;
- Chi cục THADS TP KonTum;
- UBND p. Duy Tân, TP Kon Tum;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

MAI THI THU

